

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG QUÁ TRÌNH DI DÂN VÀO HÀ NỘI

TH S. BÙI THỊ THIÊM

Khoa Kinh tế, ĐHQG Hà Nội

Cùng với cả nước, Thủ đô Hà Nội đón chào thiên niên kỷ mới với những cơ hội và thách thức mới. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô đang được đẩy mạnh, quá trình hội nhập quốc tế và khu vực đang được mở rộng, nền kinh tế tri thức với những yêu cầu cao về tiềm lực trí tuệ và khoa học công nghệ đang đặt ra những đòi hỏi lớn đối với các nguồn lực, trong đó nguồn nhân lực chiếm vị trí hàng đầu.

Quá trình phát triển và đô thị hoá đã tạo ra các dòng di dân từ các tỉnh ngoài vào Hà Nội kiếm việc làm. Trong giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế, dân số tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn trong khi tăng trưởng kinh tế diễn ra ở những địa bàn đô thị và các trung tâm công nghiệp là chính. Những nỗ lực xoá đói giảm nghèo sẽ khó có thể hạn chế được hiện tượng xuất cư ở các vùng nông thôn. Thực tế là động lực thị trường và tăng trưởng kinh tế ở một số khu vực có thể làm sâu sắc thêm sự khác biệt giữa các vùng, miền lãnh thổ, các khu vực kinh tế và qua đó thúc đẩy quá trình di dân. Bên cạnh đó, sự gia tăng và phát triển các phương tiện giao thông, vận tải, viễn thông và truyền thông đại chúng trong xã hội hiện nay cũng góp phần thúc đẩy di dân và tăng cường sự giao tiếp giữa nông thôn và thành thị. Mạng lưới xã hội không chính thức của người di cư cùng với những kênh tuyển dụng lao động đã phát triển rộng khắp, giúp giảm bớt những khó khăn về nhà ở, việc làm, học tập khi nhập cư vào thành phố. Chính mạng lưới xã hội này đã tạo điều kiện cho những đối tượng xuất cư từ nông thôn có cơ hội việc làm tốt nhất ở thành phố. Các chính sách tạo cơ hội việc

làm tại chỗ ở nông thôn sẽ có thể giảm được áp lực di cư từ nông thôn ra thành phố. Tuy nhiên, do còn thiếu khuyến khích đối với khu vực kinh tế tư nhân ở nông thôn nên các doanh nghiệp rất khó có thể lập ra những ngành nghề phi nông nghiệp thu hút tại chỗ nguồn lao động dư thừa. Mức thu nhập thấp có được từ các việc làm phi nông nghiệp tiếp tục là một yếu tố thúc đẩy lao động xuất cư khỏi nông thôn.

Là thủ đô của cả nước, Hà Nội đồng thời cũng là nơi tiếp nhận số lượng di cư lớn từ các địa phương. Thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội nói chung và biến động về nguồn nhân lực nói riêng ở Hà Nội đã thể hiện những tác động rõ rệt của vấn đề di dân trong thời gian gần đây. Bên cạnh những tiến bộ về nhiều mặt do tác động của di dân đến phát triển kinh tế cũng còn không ít những khó khăn, trở ngại, thách thức cũng như những tác động không tích cực tới phát triển nền kinh tế.

Hà Nội, do có đặc trưng về vị trí kinh tế, xã hội cũng như về dân số nên không những tổng số di cư theo các hình thái lớn hơn các địa phương trong nước mà cơ cấu di cư theo luồng cũng phức tạp hơn. Về dân số nói chung và dân số ở thành thị nói riêng, Hà Nội đều chiếm một tỷ trọng khá lớn so với các địa phương khác. Hàng năm dân số Hà Nội tăng với mức đáng kể, mức tăng bình quân trong giai đoạn 1995-2001 là 2,65%, riêng số lượng người đến tuổi lao động hàng năm tăng khoảng 38-40 ngàn người. Trong đó dân số thành thị cũng tăng lên hàng năm khoảng 1,03%, đương nhiên trong đó có cả dân nhập cư từ các vùng ngoại vi vào thành phố. Trong các dòng di cư, số lượng di cư từ các thị trấn, các trung tâm nhỏ quanh Hà Nội cũng từ như các vùng nông thôn vào Hà Nội chiếm tỷ lệ chủ yếu. Theo các số liệu ước tính, từ 1986 đến nay, bình quân mỗi năm dân số Hà Nội tăng thêm khoảng 55.000 người, trong đó số người do di dân chiếm tới 22.000 người. Ba phần tư số dân di cư này vào khu vực nội thành. Số người đến Hà Nội gấp 5 lần số người ra khỏi Hà Nội. Bên cạnh đó, Hà Nội thường xuyên có mặt đội quân di dân mùa vụ tìm kiếm việc làm trong thời gian nông nhàn, hoặc di dân tạm thời đến kiếm sống một vài năm trước khi quyết định ở lại lâu dài hoặc di chuyển đi nơi khác.

Di dân là xu hướng không thể đảo ngược trong quá trình phân bố lại dân số và lao động. Do quy mô dân số tiếp tục gia tăng, tăng

trường dân số đô thị sẽ diễn ra với một nhịp độ lớn hơn tốc độ tạo công ăn việc làm ở thành phố. Đồng thời với quá trình đó, sự khác biệt thu nhập giữa nông thôn và đô thị cùng với tình trạng dư thừa lao động ở nông thôn luôn là những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy di cư. Chính ước muốn nâng cao thu nhập đã thúc đẩy người dân di cư. Trong điều kiện mức sống thấp và nguồn lực cạn kiệt ở nông thôn, người dân tìm đến những nơi có điều kiện sống và cơ hội kinh tế mà họ nhận thấy là tốt hơn. Hiển nhiên, trung tâm đô thị là những địa bàn có được những cơ hội đó. Trong khi thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn đồng bằng sông Hồng là 71.000 đồng/tháng thì ở Hà Nội là 330.000 đồng/tháng (gấp 5 lần) và ở thành phố Hồ Chí Minh là hơn 10 triệu đồng/năm. Mặt khác, điều kiện về nhà ở và cơ sở hạ tầng cũng có sự khác biệt giữa khu vực đô thị và nông thôn. Tình trạng thiếu thốn nhà ở tại các khu vực đô thị nghiêm trọng hơn so với khu vực nông thôn. Tuy nhiên, sự phân cực về chất lượng nhà ở cũng có sự khác biệt. Điều này cũng phản ánh chất lượng sống khác nhau giữa các vùng.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đã đem lại những nhân tố thúc đẩy quá trình di cư. Đi đôi với những cải cách kinh tế theo chiều sâu và sự nới lỏng hơn nữa những quy định hạn chế di chuyển dân số và tăng trưởng đô thị, chắc chắn quá trình nhập cư vào thành phố sẽ diễn ra với một quy mô lớn hơn và mang lại những yếu tố tích cực, những sắc thái mới cho Thủ đô. Cùng với sự gia tăng về số người cư trú ở thành phố, di dân từ các vùng ngoại vi vào Hà Nội cũng sẽ có tác động mạnh hơn tới vấn đề giải quyết việc làm ở đô thị.

Tác động của di dân tới vấn đề đáp ứng nhu cầu lao động của Thủ đô

Trong cơ chế chuyển đổi cơ chế kinh tế, Đảng và Nhà nước chủ trương tạo điều kiện phát triển kinh tế khu vực ngoài quốc doanh, vốn là thực thể năng động nhất của nền kinh tế thị trường. Tác động của các doanh nghiệp dân doanh đến lực lượng lao động xã hội rất quan trọng. Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thu hút phần lớn lực lượng lao động xã hội, mặc dù đóng góp của khu vực này vẫn còn thấp. Cầu lao động trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có xu hướng ngày càng tăng do sự phát triển của

loại hình doanh nghiệp này. Năm 2001, số lao động hoạt động trong khu vực nhà nước chiếm gần 10%, số lao động trong khu vực ngoài quốc doanh là gần 89%, số lao động hoạt động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là gần 1%. Lực lượng lao động di cư từ các địa phương vào Hà Nội đáp ứng một phần nhu cầu lao động này. Trong lực lượng lao động di cư, đối tượng di cư làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỷ lệ thấp nhất, phản ánh bản chất công việc và những hạn chế về cơ hội phát triển trong lĩnh vực này ở các thành phố lớn, nhất là ở thủ đô. Ngược lại, người di cư chiếm số đông trong khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản. Nhóm này chiếm tới gần 16% tổng số dân di chuyển, còn tỷ lệ người di chuyển làm việc trong khu vực buôn bán dịch vụ là hơn 12%. Theo tình trạng di chuyển, nhu cầu về lao động ở các nhóm ngành có khác nhau. Chiếm tỷ lệ cao là ở hai nhóm ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Điều này xuất phát từ thực tế, theo đà phát triển của nền kinh tế, nhu cầu về lao động trong các lĩnh vực này ngày càng tăng. Mặt khác, ở thủ đô, đặc biệt là trong các quận nội thành, xu hướng gia tăng lực lượng lao động dịch vụ tại gia như sửa sang, quét dọn nhà cửa, ôsin, lao động tại chỗ, thời gian ngắn. Chính lực lượng lao động này đã đáp ứng phần lớn nhu cầu về lao động phổ thông, lao động có tay nghề thấp hoặc không có kỹ năng dẫn tới khả năng sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả hơn.

Tác động của di dân tới giảm bớt lao động dư thừa ở nông thôn và thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội

Với tốc độ tăng dân số khá nhanh, đặc biệt là ở các vùng nông thôn dẫn đến một sức ép lớn về vấn đề việc làm và thất nghiệp. Ở nông thôn, bình quân người dân chỉ sử dụng 74% thời gian lao động, ở vùng núi phía Bắc và Bắc trung bộ tỷ lệ này chỉ còn 66%. Nguồn sống chủ yếu của lao động nông thôn là nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và một số ngành dịch vụ khác như tiểu thủ công nghiệp, các nghề phụ, các nghề truyền thống với cơ sở vật chất và kỹ thuật thấp kém. Song do đặc điểm kinh tế - xã hội ở nông thôn, trình độ dân trí thấp, sản xuất hàng hoá chưa dồi dào, chất lượng sản phẩm chưa cao, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, thấp kém, điều kiện sinh hoạt khó khăn, vì vậy sự

phát triển, tiến bộ ở nông thôn rất hạn chế. Từ việc làm, mức thu nhập, mức tiêu dùng tới các nhu cầu thiết yếu, các dịch vụ, điều kiện học hành, giải trí ở nông thôn không chỉ ít hơn mà chất lượng cũng kém xa so với ở thành phố. Lao động ở nông thôn chủ yếu tập trung vào sản xuất nông nghiệp, năng suất lao động thấp dẫn đến tình trạng nhàn rỗi và thiếu việc làm nghiêm trọng. Hàng năm số lao động nông thôn tăng lên khoảng 2% do tăng tự nhiên, áp lực về việc làm đặt ra rất lớn. Ở nông thôn có khoảng 30 - 40% lao động thiếu việc làm dưới nhiều hình thức, mức độ khác nhau.

Quy mô cũng như các hình thức di dân từ ngoại tỉnh vào Hà Nội còn bị chi phối bởi vấn đề hiệu quả sử dụng thời gian lao động nói chung và ở các vùng nông thôn nói riêng. Sử dụng thời gian lao động có hiệu quả hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố: trình độ kỹ thuật, định mức lao động, nhu cầu thị trường, phương pháp tổ chức lao động. Thông thường ở các ngành công nghiệp, dịch vụ, xây dựng sử dụng thời gian lao động có hiệu quả hơn trong lĩnh vực nông nghiệp. Điều đó xuất phát từ đặc điểm tính chất ngành nghề cũng như các yếu tố về kinh tế - xã hội như trình độ tổ chức quản lý, tính chất cạnh tranh.

Thời gian nhàn rỗi hoặc dư thừa nói chung ước tính 40% trong quỹ thời gian lao động xã hội nông thôn, tương đương với tình trạng thất nghiệp hoặc thiếu việc làm thường xuyên của 6 - 7 triệu người. Hơn 60% hộ gia đình nông thôn có lao động thiếu việc làm, nhiều hộ thiếu trầm trọng, dẫn đến người lao động nông thôn, quanh khu vực Hà Nội vào thành phố kiếm việc làm dưới nhiều dạng và có xu hướng tăng nhanh.

Thiếu việc làm ở nông thôn do nguồn lao động tăng nhanh trong khi diện tích canh tác có hạn dẫn tới tỷ lệ diện tích theo đầu người ngày một giảm. Bên cạnh đó là sự khó khăn về vốn để chuyển dịch cơ cấu, tạo việc làm cho người lao động. Hàng năm, sự di chuyển của một bộ phận lực lượng lao động đáng kể từ các vùng nông thôn vào Hà Nội kiếm việc làm đã giải quyết phần nào tình trạng dư thừa lao động đó ở nông thôn và bổ sung cho lực lượng lao động ở thành phố.

Trong khi người di cư thường bị lên án là gánh nặng của xã hội, là nguyên nhân của tình trạng xuống cấp cơ sở hạ tầng ở thành phố nơi họ chuyển đến thì di cư nông thôn - đô thị và đô thị - nông thôn lại

mang trong mình nhiều tác động tích cực. Đó là khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động ở Thủ đô về lao động có tay nghề thấp hoặc không có kỹ năng, giảm sức ép dân số lên đất đai, góp phần vào sự nghiệp phát triển nông thôn thông qua việc giảm bớt lao động dư thừa và là nguồn cung cấp tiền, hàng, lối sống và những mô hình ứng xử tiên tiến về địa bàn nông thôn, nơi họ ra đi.

Tác động của di dân tới quá trình phân bố lại nguồn nhân lực, đồng thời cũng thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực

Di dân là một yếu tố cơ bản của biến động dân số gắn liền với tăng trưởng kinh tế và quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Là một động lực của biến đổi dân số, phát triển dân số sẽ dẫn đến sự phân bố dân cư ở cấp độ và quy mô lớn hơn. Về lâu dài, lực lượng lao động dư thừa gia tăng, sự phát triển của mạng lưới di dân và nâng cao trình độ dân trí nói chung trong toàn xã hội, bên cạnh những cải cách hành chính sẽ đem lại sự gia tăng hơn nữa các luồng di chuyển. Một trong những thách thức lớn là duy trì được chiến lược phát triển cân đối giữa các vùng, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ, đồng thời đảm bảo sự di chuyển tự nguyện của dân số nông thôn theo đúng mục tiêu xã hội.

Hà Nội là một trong các thành phố lớn tiếp nhận người nhập cư ngoại tỉnh đến các quận nội thành nhiều hơn là đến các vùng ngoại vi nông thôn. So sánh tỷ lệ nhập cư - xuất cư sẽ thấy sự khác biệt giữa Hà Nội và các vùng, địa phương khác trong nước.

Về quy mô dân số, tính đến năm 2001, dân số Hà Nội ước tính gần 2,8417 triệu người, chiếm tỷ lệ khoảng 3,5% dân số cả nước. Hà Nội có tốc độ tăng dân số khá nhanh trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Cả tăng dân số tự nhiên và tăng dân số cơ học trong quá trình đô thị hoá và mở rộng diện tích nội thành đã tạo nhiều cơ hội thu hút lao động vào quá trình phát triển kinh tế thủ đô đồng thời cũng làm tăng tỷ lệ dân số định cư tại thành phố. Thực tế cho thấy, dân số đô thị ở hầu hết các tỉnh đều tăng song mức độ có khác nhau. Các thành phố lớn cũng chính là nơi đông dân và càng ngày tỷ lệ dân cư đô thị càng chiếm tỷ lệ cao, nhất là thủ đô Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Chỉ trong vòng 10 năm, dân số đô thị Hà Nội đã tăng từ 35,7% lên 57,6%.

Đa số người di cư đến Hà Nội là từ các tỉnh đông dân ở Đồng bằng sông Hồng, các tỉnh trung du nghèo và các tỉnh miền trung vốn có nhiều khó khăn về phát triển kinh tế, đất đai ít lại cần cỗi, ít có cơ hội để phát triển việc làm có thu nhập cao. Số người ngoài tỉnh về Hà Nội kiếm việc làm có lúc cao điểm lên tới 20 vạn người, chưa kể tới không ít học sinh, sinh viên ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học sau khi tốt nghiệp ở lại Hà Nội kiếm việc làm. Thực trạng này gây sức ép cạnh tranh rất lớn đối với người lao động.

Di dân tác động tới nhu cầu học tập và nâng cao trình độ cho người lao động

Đời sống ngày càng được cải thiện, mức sống cao hơn, trình độ khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, nhu cầu học tập văn hoá của dân cư ngày càng tăng. Đó là biểu hiện tích cực trong đời sống xã hội để nâng cao trình độ dân trí phù hợp với đòi hỏi của xã hội, song cũng là áp lực rất lớn đối với các đô thị tập trung. Số học sinh phổ thông và học sinh, sinh viên trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học dài hạn tập trung tăng lên đòi hỏi phải đáp ứng nhu cầu về nơi ăn, ở, phương tiện đi lại cũng như điều kiện học tập của học sinh, sinh viên.

Số sinh viên hàng năm cũng tăng rất nhanh. Trong những năm gần đây, số sinh viên ở Hà Nội tăng gần 10%, ở TP. HCM tăng trên 10%. Số sinh viên tăng lên đòi hỏi phải tăng thêm giáo viên, tăng cơ sở đào tạo như trường lớp, phòng thí nghiệm, thư viện, nơi ăn ở cho sinh viên, phương tiện giao thông... Số học sinh phổ thông cũng tăng song tốc độ chậm hơn. Đối với đối tượng này chỉ lo trường lớp và giáo viên để duy trì lớp học, còn việc ăn ở của học sinh đã có gia đình ổn định.

Bên cạnh đối tượng là học sinh, sinh viên còn có một tỷ lệ lớn lực lượng di cư với trình độ học vấn khác nhau cũng có tác động nhất định tới việc sử dụng lao động nói chung cũng như nâng cao trình độ dân trí nói riêng. Trình độ học vấn thường được xem là một chỉ báo quan trọng để phân tích tình trạng di cư. Nó không những phản ánh thực trạng về trình độ của một bộ phận lực lượng lao động trong xã hội mà còn thấy được khả năng tác động nhằm nâng cao trình độ dân trí nói

chung và trình độ chuyên môn nói riêng, nhất là ở địa bàn các thành phố lớn và thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa di dân và học vấn khá phức tạp. Một mặt, người di chuyển tới Hà Nội nhằm mục đích học tập và tận dụng cơ hội được đào tạo và nâng cao trình độ học vấn. Song mặt khác, trình độ học vấn cao lại có xu hướng thúc đẩy di cư thông qua việc mở rộng các mối quan hệ xã hội với thế giới bên ngoài và nhận thức đầy đủ hơn về các cơ hội nâng cao trình độ cũng như mức thu nhập. Trong nhiều trường hợp, nguyên nhân thúc đẩy di cư là do nhu cầu học tập cũng như nhu cầu kiếm việc làm, đặc biệt đối với nhóm trẻ ở độ tuổi học cao đẳng, đại học. Rất nhiều sinh viên đã rời quê hương tới Hà Nội học tập và không có ý định quay về địa phương sau khi tốt nghiệp mà ở lại “miền đất hứa - đất thánh - Thủ đô” để lập nghiệp.

Nhìn chung, trong mối tương quan với học vấn, tình trạng di cư của nam và nữ cũng có sự khác biệt. Một mặt, thực tế cho thấy tỷ lệ di cư theo giới tính ở các luồng di cư cũng khác nhau giữa các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh với các khu vực khác. Qua khảo sát cho thấy, nếu như ở luồng xuất cư tỷ lệ nam thường cao hơn nữ thì ở luồng nhập cư tỷ lệ nữ lại thường cao hơn nam. Thực trạng đó phản ánh nhu cầu rất lớn về lao động nữ trong các khu vực công nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ tại các thành phố lớn cũng như các trung tâm đô thị. Tình trạng này có ảnh hưởng không nhỏ tới vấn đề quản lý con người cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội khác vì lực lượng lao động nữ thường kéo theo các vấn đề cần giải quyết có liên quan tới đời sống sinh hoạt như điều kiện ăn ở, đi lại, cũng như các yếu tố tâm, sinh lý.

Dưới giác độ về trình độ học vấn của lực lượng di cư thì lại có sự chênh lệch giữa các mức độ về trình độ văn hoá khác nhau kể cả ở nam và nữ. Ở trình độ phổ thông trung học thường chiếm tỷ lệ cao hơn. Tỷ suất di cư rất thấp trong nhóm không bao giờ đến trường hoặc có trình độ học vấn thấp. Tỷ lệ này gia tăng theo cấp học đối với cả hai hình thái di chuyển nội tỉnh và ngoại tỉnh. Trình độ phổ thông trung học đánh dấu ngưỡng thay đổi trong mức độ di chuyển. Cứ 5 người thì có 1 người di chuyển có trình độ trung học phổ thông (chiếm khoảng 21%). Điều này xuất phát từ thực tế là hàng năm số lượng học sinh tốt nghiệp phổ

thông trung học rất lớn, tới Hà Nội với hy vọng có cơ may kiếm được việc làm và cải thiện đời sống cho cá nhân và gia đình.

Xét về trình độ học vấn, ở luồng di cư ngoại tỉnh, số lượng nam có trình độ trên đại học chiếm tỷ lệ cao hơn nữ rất nhiều (nam chiếm tới 4,1%, trong khi nữ chỉ có 1,7%). Song ở hình thái di cư nội tỉnh, sự phân bố ở các mức độ học vấn giữa nam và nữ lại phân biệt chủ yếu là ở trình độ phổ thông trung học (nam chỉ có 6,6% trong khi nữ ở trình độ này là 10,1%). Điều đó phản ánh một thực trạng trong xã hội hiện nay là số lượng nữ có trình độ phổ thông trung học vào thành phố kiếm việc làm ngày càng tăng. Trong khi đó, với đặc điểm về vị thế kinh tế, xã hội của mình. Thủ đô thể hiện sự đòi hỏi về trình độ dân trí ngày càng cao. Hà Nội là nơi có tỷ lệ lao động được đào tạo và có trình độ chuyên môn cao nhất cả nước.

Bảng 1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở một số thành phố trọng điểm (%)

Thành phố	Lao động đã qua đào tạo	Lao động kỹ thuật có bằng
Hà Nội	44,28	36,91
Hồ Chí Minh	38,79	34,08
Hải Phòng	28,8	22,69
Cần Thơ	11,65	8,58

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam 14/8/2002.

Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trên địa bàn thành phố. Tính đến năm 2001, tỷ lệ biết chữ của dân số Hà Nội là 99,7%, tỷ lệ lao động có trình độ từ phổ thông trung học trở lên là 86%. Trình độ văn hoá của dân số Hà Nội thuộc vào loại cao nhất ở khu vực đồng bằng sông Hồng cũng như cả nước.

Tác động của di dân tới vấn đề thất nghiệp và giải quyết việc làm

Bên cạnh mặt tích cực của di dân là đáp ứng nhu cầu lao động ở Thủ đô trong thời kỳ mở cửa của nền kinh tế và giải quyết một phần lao động dư thừa ở nông thôn thì mặt khác nó lại có ảnh hưởng không

nhỏ đến nạn thất nghiệp và giải quyết việc làm, một yêu cầu cấp bách đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Việc làm và thu nhập là sự quan tâm đầu tiên của mọi người lao động. Việc làm đang là vấn đề nan giải không chỉ của riêng Hà Nội mà thực sự là vấn đề mang tính quốc gia. Năm 2001, số người trong độ tuổi lao động không có việc làm ở thành thị lên tới 6,28%. Các thành phố lớn có tỷ lệ cao hơn, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội (7,39%) và TP. Hồ Chí Minh (6,04%). Vấn đề bức xúc nhất hiện nay là sử dụng số lượng lao động, giải quyết công ăn việc làm. Nếu không giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn thì chẳng những không có khả năng tăng năng suất lao động mà còn làm tăng chi phí xã hội và các vấn đề như di dân tự do, các tệ nạn xã hội khác - nguồn gốc tiềm tàng bất ổn nhất của bất ổn định về kinh tế - xã hội. Trong thực tế, ở các khu vực thành thị, hàng năm tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi vẫn rất cao.

Nhìn một cách tổng thể thì tỷ lệ thất nghiệp tuy có xu hướng giảm song rất chậm. Hà Nội vẫn là nơi có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất trong cả nước. Đáng quan ngại là trong số thất nghiệp, thiếu việc làm trên, có không ít sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng, vừa trẻ, khoẻ, vừa có trình độ được đào tạo về chuyên môn, ngoại ngữ, vi tính; đó là chưa kể có không ít số sinh viên tốt nghiệp tuy được gọi là có việc làm nhưng đang phải làm những công việc của lao động giản đơn hoặc làm những công việc trái với chuyên môn được đào tạo của mình.

Sức ép về việc làm vẫn là một thách thức lớn nhất trong thời gian tới nhìn từ hai phía. Một mặt, số lượng người lao động vẫn tiếp tục tăng hàng năm do tốc độ tăng dân số cao ở thời kỳ trước. Mặt khác, do các luồng di cư vẫn liên tục tăng cường, bổ sung cho lực lượng lao động ở thành phố. Nhu cầu về việc làm thực sự là vấn đề nan giải.

Nhu cầu phát triển nhà ở

Số dân đô thị tăng nhanh, tất yếu gây áp lực về nhu cầu nhà ở, việc làm, học tập, chữa bệnh... Nhu cầu nhà ở của dân cư đô thị, trước hết do dân số đô thị tăng nhanh trong đó có số lượng đáng kể dân số đến từ các vùng ngoại vi thành phố, mặt khác do nhu cầu cải thiện nơi

ở của dân cư, khi đời sống được nâng cao. Để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho dân cư đô thị phải có các chính sách huy động vốn từ trong dân cư, từ các thành phần kinh tế, từ nguồn đầu tư nước ngoài... Song mọi hoạt động xây dựng, cải tạo nhà ở phải tuân theo quy hoạch và được quản lý chặt chẽ.

Bảng 2: Nhu cầu về nhà ở tại Hà Nội từ 1995 đến 2010

Đơn vị: nghìn người và nghìn m²

Năm	Dân số nội thành	Diện tích nhà ở	Diện tích nhà ở cần xây thêm hàng năm
1995	1.070	8.000	600
2010	1.700	17.000	

Nguồn: Đô thị hoá và chính sách phát triển đô thị trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

Nhu cầu chữa bệnh

Dân số Hà Nội có tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,4-1,5% và tăng cơ học khoảng 1,7%/năm. Và đương nhiên nhu cầu về khám, chữa bệnh cũng tăng lên tương ứng. Song trong thực tế, khó có thể đáp ứng được nhu cầu này. Tốc độ dân số tăng nhanh nhưng số giường bệnh lại không tăng lên tương ứng. So với năm 1997, số giường bệnh ở Hà Nội là 3600, thì sau 3 năm chỉ tăng 413 giường bệnh, việc thăm, khám và chữa bệnh cho dân cư đô thị lại càng gặp nhiều khó khăn.

Ngoài các nhu cầu về nhà ở, việc làm, học tập, chữa bệnh, con người còn có các nhu cầu khác nữa như phương tiện đi lại, vui chơi giải trí... Do vậy, biến động dân số đô thị lớn sẽ tạo ra nhu cầu đột biến, mà kết cấu hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, cấp thoát nước, cung cấp điện và các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ đời sống không đáp ứng nổi. Chẳng hạn về phương tiện giao thông hàng năm, ô tô tăng từ 7-8%, xe máy tăng từ 12-20% chưa kể tới xe đạp, xích lô... Trong khi đó hệ thống giao thông đô thị lại kém chất lượng, đường xá chật chội nên hiện tượng ách tắc giao thông thường xuyên xảy ra. Tại Hà Nội chỉ có 8% - 10% diện tích đất dành cho giao thông, trong khi một đô thị hiện đại yêu cầu từ 20%-23%. Mật độ đường rất thấp: 4,43km/km²

(tại các khu vực mới xây, chỉ số này còn thấp hơn: 2 km/km²). Việc thiếu vắng phương tiện giao thông công cộng với 600 đầu xe buýt cho 500 triệu lượt người di chuyển hàng năm đã dẫn đến tình trạng biến Hà Nội thành thành phố của xe máy cá nhân, đa số các loại xe này đều sử dụng xăng pha chì, thải vào không khí lượng khói bụi nguy hiểm cho môi sinh và sức khỏe con người. Ngoài ra, tiếng ồn của hàng ngàn chiếc xe máy tại các điểm nút giao thông và trên các đường phố lớn cũng đã trở thành vấn nạn cho người dân thủ đô. Xe máy cá nhân đã và đang là một trong những nguyên nhân chính của sự ô nhiễm môi trường đô thị ở thủ đô và các thành phố lớn ở Việt Nam. Hà Nội hiện đang trong quá trình hoàn thiện mạng lưới giao thông công cộng song cũng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại trong nội thành. Thực tế mới chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu. Hệ thống cấp thoát nước còn bất cập hơn khi ở Hà Nội lượng nước sạch cung cấp cho dân cư đô thị mới chỉ đạt được 80%.

Di cư là một xu hướng tất yếu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và biến động dân số nói riêng. Phát triển nền kinh tế trong giai đoạn mới với những đòi hỏi của nó sẽ dẫn đến sự phân bố dân cư ở cấp độ và quy mô lớn hơn. Chúng ta có thể chứng kiến sự gia tăng của hình thái di chuyển nông thôn - đô thị trong tương lai, đặc biệt là di chuyển từ các vùng ngoại vi vào Hà Nội. Xu hướng này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tốc độ tăng trưởng dân số đô thị cũng như phát triển kinh tế ở thủ đô. Các chính sách vĩ mô sẽ có khả năng thành công nếu như chú trọng tới nhận thức và khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các động lực thị trường để điều tiết mối quan hệ giữa di cư và phát triển. Những can thiệp đối với di cư sẽ đem lại hiệu quả nếu như đáp ứng được nhu cầu của đông đảo người dân. Cần xây dựng các biện pháp, chính sách phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản và nâng cao mức sống cho người di cư. Các biện pháp đó cần tạo điều kiện và hướng tới ổn định các dòng di cư thay vì những cố gắng điều tiết hay lập kế hoạch điều chuyển dân cư. Việc bảo đảm cho người nhập cư tiếp cận được các điều kiện kinh tế, xã hội và pháp lý giống như người sở tại, cũng như được tham gia bình đẳng trong các dịch vụ tín dụng, việc làm, giáo dục và y tế là rất cần thiết trong thời gian tới. Đó cũng chính là cơ hội để phát triển thủ đô văn minh, hiện đại và giàu đẹp.

Tài liệu tham khảo

1. TS. Đặng Nguyên Anh: *Phân bố dân cư và di dân ở Việt Nam qua cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999*. Tạp chí kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, số 6/2001.
2. Báo cáo kết quả chủ yếu điều tra di dân tự do vào đô thị Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu dân số và nguồn lao động - Dự án VIE/95/004, - Hà Nội, 5/97.
3. Dân số và môi trường đô thị thành phố Hà Nội - Dự án Dự án VIE/93/102 - Hà Nội, 11/1995.
4. Dân số và phát triển, một số vấn đề cơ bản - Dự án VIE/97/67 - Nxb. Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2000.
5. Nghiên cứu di dân ở Việt Nam - Nxb. Nông nghiệp - Hà Nội, 1999.